

TÒA PHÚC THẨM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 704/2026/HC-PT
Ngày 16-6 -2026
V/v “*Khiếu kiện quyết định bồi thường,
hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương
Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công
Bà Trần Thị Hòa Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 253/2026/TLPT-HC ngày 09 tháng 02 năm 2026 về “*Khiếu kiện quyết định bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất*”

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 49/2025/HC-ST ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 904/2026/QĐ-PT ngày 30 tháng 3 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 697/2026/QĐ-PT ngày 24 tháng 4 năm 2026; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1312/2026/QĐ-PT ngày 28 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 736/2026/QĐ-PT ngày 28 tháng 5 năm 2026; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1603/2026/QĐ-PT ngày 28 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Huỳnh Thị T1, sinh năm 1983 (vắng mặt).

CMND số 370 930 632, do Công an tỉnh K cấp.

Nơi thường trú Khu phố S, đặc khu P, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Từ Thanh S, sinh năm 1961

CCCD 024061001778 (Giấy ủy quyền ngày 22/5/2026) (có mặt).

Nơi thường trú: Số A Đường số D, KDC C, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Đ, tỉnh An Giang. Địa chỉ số D đường C, đặc khu P, tỉnh An Giang (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Lê Quốc T2, chức vụ: Phó Chủ tịch (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trần Quang L, chức vụ: Phó Ban Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đặc khu P (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Huỳnh Thị T1 là người khởi kiện trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/5/2021, bà Huỳnh Thị T1 trình bày: Ngày 31/12/2019 UBND thành phố P ra Quyết định số 7222/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích 33.161,30m² đất đối với bà Huỳnh Thị T1. Ngày 05/02/2021 bà T1 nhận được Quyết định số 993/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của UBND thành phố P về việc bổ sung bồi thường quyền sử dụng đất, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho bà Huỳnh Thị T1 số tiền 22.620.004.500 đồng, số tiền này bà T1 đã nhận ngày 05/02/2021 và đã giao đất để thực hiện dự án. Bà Huỳnh Thị T1 cho rằng, quyết định bổ sung bồi thường, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm chưa đúng giá đất thị trường và áp sai vị trí đất. Lý do, đất bị thu hồi tiếp giáp với tuyến giao thông đường trục lớn Trung tâm Khu du lịch - cư Nam Bãi Trường đã hình thành đưa vào sử dụng trước khi có quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường, hỗ trợ, cơ quan có thẩm quyền đã áp sai vị trí đất và áp giá đất bồi thường ở vị trí thấp nhất, cũng như áp giá đất hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (03 lần) không đúng theo Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh K.

Bà Huỳnh Thị T1 yêu cầu giải quyết: Hủy Quyết định số 993/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của UBND thành phố P về việc bổ sung bồi thường quyền sử dụng đất, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho bà Huỳnh Thị T1. Buộc UBND thành phố P bồi thường, hỗ trợ cho bà T1 đối với diện tích đất 33.161,30m² đã có quyết định thu hồi đất theo đúng quy định pháp luật.

Tại Văn bản số 703/UBND-NCPC ngày 09/5/2023 và Văn bản số 934/UBND-NCPC ngày 12/6/2023 Ủy ban nhân dân thành phố P trình bày: Nguồn gốc 33.161,30m² đất tại ấp Đ, xã D, huyện P do ông Nguyễn Văn H (cha vợ ông Huỳnh Văn T3) khai phá sử dụng trồng đào, hoa màu và cất nhà tạm để ở từ khoảng năm 1976. Năm 2003 ông T3 cho con Huỳnh Thị T1 thừa đất trên quản lý sử dụng cho đến khi quy hoạch. Ngày 18/6/1998 UBND tỉnh K ban hành Quyết định 2163/QĐ-UBND về việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho B lý rừng phòng hộ và đặc dụng P để bảo vệ và phát triển rừng, trong đó có phần diện tích 33.161,30m² đất. Ngày 20/10/2011, UBND huyện P ban hành Quyết định số phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu

D. Trong đó có thu hồi thửa đất diện tích 33.161,30m² của bà Huỳnh Thị T1 để thực hiện dự án, nhưng không được bồi thường. Bà T1 khiếu nại yêu cầu được bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 33.161,30m².

Ngày 28/9/2018 UBND huyện P ban hành Quyết định 3484/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Huỳnh Thị T1. Nội dung: Thừa nhận nội dung khiếu nại yêu cầu bồi thường quyền sử dụng đất. Giao các cơ quan chuyên môn lập phương án bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 33.161,30m² cho bà Huỳnh Thị T1 theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 14/11/2019 UBND tỉnh K ban hành Quyết định số 2626/QĐ-UBND về giá đất cụ thể tính tiền bồi thường quyền sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án quy hoạch Khu D tại xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 31/12/2019 UBND huyện P ban hành Quyết định số thu hồi diện tích 33.161,30m² đất trồng cây lâu năm đối với bà Huỳnh Thị T1 để thực hiện dự án. Cùng ngày UBND huyện P ra Quyết định số 7215/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bổ sung bồi thường, hỗ trợ về quyền sử dụng đất, cây trồng, vật kiến trúc, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm tại dự án Khu D xã D và thị trấn A, huyện P.

Ngày 18/02/2020 UBND huyện P ban hành Quyết định số về việc bổ sung bồi thường quyền sử dụng đất, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho bà Huỳnh Thị T1 với số tiền 22.620.004.500 đồng, gồm:

- Bồi thường quyền sử dụng đất trồng cây lâu năm diện tích 33.161,30m² x 465.000 đồng/m³, số tiền 15.420.004.500 đồng;
- Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp đối với diện tích đất 20.000m² x 360.000 đồng, số tiền 7.200.000.000 đồng.

Việc bà T1 khởi kiện cho rằng, áp giá bồi thường chưa đúng với giá thị trường và sai vị trí đất với lý do thửa đất bà T1 tiếp giáp với tuyến giao thông đường Trung tâm Đoạn 1 – Khu B là không đúng, vì: Theo Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 13/03/2020 của UBND tỉnh K phân diện tích đất trên chưa có hạng mục công trình tuyến giao thông đường T - Khu B và theo Quyết định số 2626/QĐ-UBND về giá đất cụ thể tính tiền bồi thường quyền sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án quy hoạch Khu D cũng không có công trình tuyến giao thông đường T - Khu B. Mặt khác, hạng mục công trình tuyến giao thông đường T - Khu B đang thực hiện quyết toán theo Quyết định số ngày 25/01/2018 của Ban Q, nên Công trình tuyến đường trên chưa được đưa vào sử dụng. Do đó, UBND thành phố P ban hành định số bổ sung bồi thường quyền sử dụng đất, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho bà Huỳnh Thị T1 là đúng quy định tại khoản 2 Điều 74 của Luật Đất đai 2013; Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND của UBND tỉnh K tại Phụ lục số 12, vị trí 2, khu vực ngoài thị trấn D, A; Điều 14 Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND tỉnh K ngày 17/6/2015; Quyết định số 2626/QĐ-UBND về giá đất cụ thể tính tiền bồi thường quyền sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án.

Đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T1.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 49/2025/HC-ST ngày 14/8/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T1.

- Không chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định số 993/QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc bổ sung bồi thường quyền sử dụng đất, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho bà Huỳnh Thị T1.

- Không chấp nhận yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố P thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật trong việc bồi thường quyền sử dụng đất, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm liên quan đến diện tích đất 33.161,30m² đã được thu hồi tại Quyết định số 7222/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện P về việc thu hồi đất đối với bà Huỳnh Thị T1 để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 09/9/2025, bà Huỳnh Thị T1 là người khởi kiện kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm theo huy án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Từ Thanh S đại diện theo ủy quyền cho bà Huỳnh Thị T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị hủy án. Lý do áp dụng pháp luật chưa đúng, ra Quyết định thu hồi đất không đúng quy định, thời gian ban hành quyết định, bổ sung bồi thường quyền sử dụng đất, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho bà Huỳnh Thị T1, chậm chi trả thanh toán tiền bồi thường.

Ông Từ Thanh S đại diện theo ủy quyền cho bà Huỳnh Thị T1 trình bày: Thông tư số 15 năm 2014 xác định vị trí cây trồng, áp dụng vị trí thuận lợi nhất là vị trí 1, vị trí 2 sau 90 m giá 120.000 đồng, có 04 con đường bê tông nên phải xác định vị trí 1, xác định vị trí 2 gây thiệt hại cho bà T1. Áp dụng pháp luật về bồi thường hỗ trợ (Khoản 4 Điều 114 Luật Đất đai) hệ số điều chỉnh xác định từng loại đất. Quyết định 2626 có trước khi có Quyết định thu hồi không phù hợp, không đúng quy định Điều 15, một thửa đất không có hai vị trí đất. Quyết định của Sở T4, không phải của Sở T5. Quyết định 2626 có liên quan dùng căn cứ ban hành Quyết định số 993 thu hồi làm thiệt hại nghiêm trọng quyền lợi của bà T1. Tòa án chưa xem xét tính hợp pháp, kiến nghị Cơ quan có thẩm quyền. Thông báo thu hồi đất của bà T1 chậm nhất 90 ngày bà T1 không nhận được, gây thiệt hại làm bà T1 chịu hậu quả. Đề nghị người bị kiện bổ sung theo Quyết định 993, chưa hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp nên buộc Ủy ban tiếp tục việc này. Việc chi trả tiền chậm trả án sơ thẩm đã nhận định khởi kiện vụ án khác nên không có kháng cáo phần này nữa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày: Đối tượng khởi kiện là bà T1 khởi kiện bồi thường. Bà T1 cho rằng áp dụng vị trí sai. Án sơ thẩm đã nêu rõ. Năm 2014 tuyến đường chưa hình thành, không có. Ủy ban ban hành Quyết định số 35 bảng giá đất trong 5 năm, vị trí đất bồi thường hỗ trợ không thể áp dụng vì không có quy định. Chính sách bồi thường hỗ trợ đã ban

hành giá đất bồi thường cụ thể, đã quy định rõ. Giá hỗ trợ 03 lần tại Quyết định số 35 không có. Theo quy định, những thửa đất nằm ngoài khu vực thị trấn áp dụng bồi thường đất trồng cây lâu năm, vị trí 2, không áp dụng Quyết định số 03, áp dụng Quyết định số 35 có hiệu lực pháp luật. Điều kiện chuyển tiếp đã quy định rõ, phương án đã có, Quyết định thu hồi đất đã được phê duyệt khi áp dụng việc bồi thường. Ủy ban căn cứ và áp dụng chính sách phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T1, giữ y án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và các Thẩm phán thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Huỳnh Thị T1.

Kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định, được xem xét theo trình tự pháp luật. Đối với kháng cáo của bà T1, vị trí bồi thường Văn bản số 2345/UBND-NC ngày 24/11/2023 của UBND tỉnh K khi trả lời Văn bản số 216/2023/CV-TA ngày 23/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang (nay là tỉnh An Giang) nêu: Khi ban hành Quyết định số 2626/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 về giá đất cụ thể là căn cứ theo Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh K, thì tuyến đường Trung tâm giai đoạn 1 chưa được nghiệm thu hoàn chỉnh các hạng mục nên chưa quy định tuyến đường này trong Bảng giá đất nên UBND thành phố P chưa có cơ sở đề xuất giá đất đối với tuyến đường này trình Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp trình UBND tỉnh đưa liệt kê vào bảng giá đất tại Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 13/01/2020 của UBND tỉnh K. Vị trí phù hợp khi kiểm tra, cách đường 209m. Căn cứ Quyết định số 2626 xác định giá phù hợp thị trường. Ủy hành Quyết định số 993 có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đại diện người khởi kiện không cung cấp gì thêm làm thay đổi nội dung vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện:

Ngày 31/5/2021, bà Huỳnh Thị T1 khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 993/QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc bổ sung bồi thường quyền sử dụng đất, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm

việc làm cho bà Huỳnh Thị T1 (nhận ngày 05/02/2021). Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật trong việc bồi thường quyền sử dụng đất, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm liên quan đến diện tích đất 33.161,30m² đã được thu hồi.

Theo quy định tại Điều 116; Điều 30 và Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính, thời hiệu khởi kiện vẫn còn và Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang (nay là Tòa án nhân dân tỉnh An Giang) thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Xét kháng cáo của bà Huỳnh Thị T1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Năm 2011 UBND huyện P thu hồi đất đối với bà Huỳnh Thị T1 thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội nhưng không bồi thường, bà T1 khiếu nại được giải quyết tại Quyết định số 3484/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Chủ tịch UBND thành phố P.

Thực hiện quyết định trên, UBND thành phố P ban hành Quyết định số 7215/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc phê duyệt phương án bổ sung bồi thường, hỗ trợ quyền sử dụng đất, cây trồng, vật kiến trúc và hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm tại Dự án Khu D, việc phê duyệt phương án trên cơ sở căn cứ Quyết định số 2626/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 về giá đất cụ thể tính tiền bồi thường quyền sử dụng đất, Quyết định số 20/2018/QĐ-UBND ngày 17/7/2018 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định bảng giá đất đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang ban hành kèm theo Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh K là các quyết định của UBND tỉnh K đang có hiệu lực tại thời điểm ban hành quyết định phê duyệt phương án bổ sung bồi thường, hỗ trợ.

[2.2] Về giá đất cụ thể bồi thường, theo Quyết định số 2626/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 của UBND tỉnh K, giá đất này được xây dựng trên cơ sở giá đất của thị trường, về trình tự, thủ tục thực hiện xác định giá đất phù hợp với khoản 1 Điều 15, Điều 16 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất và khoản 2 Điều 74 của Luật Đất đai năm 2013, nên không có căn cứ để kiến nghị cơ quan ban hành văn bản xem xét tính hợp pháp của quyết định này.

[2.3] Về vị trí đất, theo quyết định bổ sung bồi thường đất đai thể hiện loại đất trồng cây lâu năm, vị trí 2 không tiếp giáp mặt tiền đường và nằm ngoài phạm vi 90m, vị trí này phù hợp với vị trí thửa đất được lập Biên bản kiểm tra hiện trạng thửa đất ngày 10/01/2014 cách đường D - A là 209m.

Việc bà T1 yêu cầu phải áp vị trí đất theo đường trung tâm hiện nay là không có căn cứ, bởi theo Văn bản số 2345/UBND-NC ngày 24/11/2023 của UBND tỉnh K khi trả lời Văn bản số 216/2023/CV-TA ngày 23/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang (nay là tỉnh An Giang) nêu: Khi ban hành Quyết định số 2626/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 về giá đất cụ thể là căn cứ theo Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh K, thì tuyến đường Trung tâm giai đoạn 1 chưa được nghiệm thu hoàn chỉnh các hạng mục nên chưa quy định tuyến đường này trong Bảng giá đất, nên UBND thành phố P chưa có cơ sở

đề xuất giá đất đối với tuyến đường này trình Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp trình UBND tỉnh đưa liệt kê vào bảng giá đất tại Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 13/01/2020 của UBND tỉnh K.

[2.4] Quyết định số 993/UBND ngày 18/02/2020 về bồi thường, hỗ trợ được ban hành trên cơ sở căn cứ Quyết định số 7215/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc phê duyệt phương án bổ sung bồi thường, hỗ trợ quyền sử dụng đất, cây trồng, vật kiến trúc và hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm tại Dự án Khu D, dựa trên cơ sở Quyết định số 2626/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 về giá đất cụ thể để bồi thường đất đai và Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh K quy định bảng giá đất đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang để hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là phù hợp.

Việc không áp dụng Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 13/01/2020 của UBND tỉnh K để tính tiền hỗ trợ là vì theo khoản chuyển tiếp của quyết định có nội dung: *“Đối với những dự án đã có quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt trước ngày quy định này có hiệu lực thi hành thì giá đất để tính hỗ trợ được áp dụng tại thời điểm quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, không áp dụng theo quy định này”*.

Do đó, bà Huỳnh Thị T1 yêu cầu xác định vị trí đất mặt tiền đường (vị trí 1) đường trung tâm để bồi thường và áp dụng bảng giá đất theo Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 13/01/2020 của UBND tỉnh K để tính tiền hỗ trợ là không có căn cứ.

[2.5] Đối với yêu cầu buộc trả khoản tiền lãi chậm thực hiện việc bồi thường, người được ủy quyền nêu tại Đơn yêu cầu ngày 11/8/2025, thấy rằng nội dung yêu cầu này nằm ngoài nội dung đơn khởi kiện của bà T1, nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét và có nhận định để đảm bảo quyền lợi, bà T1 có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác để được xem xét giải quyết theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Đại diện của bà T1 cũng đồng ý và không có kháng cáo.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đúng quy định pháp luật. Kháng cáo của bà T1 không có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh và ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện tham gia phiên tòa đề nghị.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà T1 phải chịu án phí do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241; Điều 348 và Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 30, 32, 116, 158, 164, 193, 194 của Luật Tổ tụng hành chính.

Căn cứ Điều 74 của Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất.

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số: 81/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, Đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số: 85/2025/UBTV QH15 phê chuẩn đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về việc thành lập các Tòa Phúc thẩm, Cục, Vụ và tương đương, Cơ quan báo chí của Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị T1, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T1.

- Không chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định số 993/QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc bổ sung bồi thường quyền sử dụng đất, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho bà Huỳnh Thị T1.

- Không chấp nhận yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố P thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật trong việc bồi thường quyền sử dụng đất, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm liên quan đến diện tích đất 33.161,30m² đã được thu hồi tại Quyết định số 7222/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện P về việc thu hồi đất đối với bà Huỳnh Thị T1 để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.

2. Về án phí sơ thẩm hành chính và chi phí tố tụng:

- Án phí bà Huỳnh Thị T1 phải nộp 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng bà T1 đã tạm nộp án phí theo Biên lai thu số 0004515 ngày 17/6/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang (nay là Thi hành án Dân sự tỉnh A).

- Chi phí tố tụng cho việc xem xét tại chỗ 8.407.601 đồng bà Huỳnh Thị T1 phải chịu và đã thực hiện xong.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị T1 phải nộp 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng bà T1 đã tạm nộp án phí theo Biên lai

thu số 0003601 ngày 09/10/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh An Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm
tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Dương sự;
- Lưu HSVA (TTPT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Đinh Ngọc Thu Hương